TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Huệ**
2. Ông **Đào Minh Phấn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thụy Anh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Cảnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn V T - sinh năm: 1962 *(có mặt)*
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn T H - sinh năm: 1962 *(vắng mặt)*
Cùng địa chỉ: Thôn Đ B, xã H H, huyện N H, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Ng V T trình bày: Ông và bà Ng T H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H H, huyện N H, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 23/9/1982. Vợ chồng 06 con chung đã trưởng thành và lao động tự túc được. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau này bà H hay ghen tuông và không tôn trọng những người thân trong gia đình ông nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Năm 2016 ông đã nộp đơn xin ly hôn bà H nhưng không được Tòa án chấp nhận vì để vợ chồng đoàn tụ có thời gian hàn gắn tình cảm. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân, việc hàn gắn tình cảm không thành. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Về con chung: Đã trưởng thành lao động tự túc được. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử luôn tuân theo pháp luật tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn cố tình vắng mặt từ lúc thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ng V Th về việc ly hôn đối với bà Ng T H.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ng V Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Ng T H. Các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ninh Hải. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Tòa án ra thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Ng T H. Thông báo có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (*Yêu cầu ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và sổ hộ khẩu. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do ông Th cung cấp (*khoản 2 điều 92 của BLTTDS*). Sau khi thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Ng V Th và bà Ng T H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H H, huyện N H, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 23/9/1982, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Th và bà H sống chung với nhau và có 06 con chung đã trưởng thành. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Theo Biên bản lấy lời khai của ông T, ngày 23/4/2019 (BL 31); Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú (BL 32) có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bác đơn ly hôn của ông T để vợ chồng trở về chung sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông Th, bà H vẫn sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Từ những nhận định trên, HĐXX xác định cuộc sống hôn nhân của ông T, bà H đã

mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà H.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147, Khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 6 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Ng V Th được ly hôn với bà Ng T H.

2. Về án phí: Ông Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0019258 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Ông Th đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019). Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Hải;
- UBND xã Hộ Hải (Cơ quan thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).